

Thông tin dành cho bệnh nhân

SULLIVAN

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Rửa sạch tay trước khi dùng.

Thông báo ngay cho bác sĩ hoặc dược sĩ nếu có tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc. Thuốc này cần dùng theo đơn của bác sĩ.

Tất cả thông tin sản phẩm này bao gồm hướng dẫn sử dụng cho thuốc có nhiều hàm lượng khác nhau.

THÀNH PHẦN:

Mỗi viên nén SULLIVAN chứa:


Amisulprid 100 mg

Tà dược: Cellulose vi tinh thể, tinh bột ngô, povidon, croscarmellose natri, natri lauryl sulfat, talc, magnesi stearat, silicon dioxyd.

Mỗi viên nén SULLIVAN-400 chứa:

Amisulprid 400 mg

Tà dược: Lactose monohydrat, tinh bột, povidon, croscarmellose natri, magnesi stearat, silicon dioxyd, natri lauryl sulfat.

Mô tả sản phẩm: Viên nén dạng màu trắng, mặt trước có logo , mặt kia có dấu gạch ngang.

Quy cách đóng gói: SULLIVAN : Hộp 4 vỉ x 7 viên.

Hoặc 6 vỉ x 10 viên.

SULLIVAN-400: Hộp 4 vỉ x 7 viên.

Thuốc dùng cho bệnh gì?

Sản phẩm SULLIVAN chứa thành phần chính có tác dụng dược lý là amisulprid, một chất thuộc nhóm thuốc chống loạn thần. Thuốc được sử dụng theo chỉ định của bác sĩ để điều trị bệnh tâm thần phân liệt.

Bệnh tâm thần phân liệt làm biến đổi cảm giác, nhìn thấy hoặc nghe thấy những thứ không có thật, có ý nghĩ sai lầm, thay đổi hành vi, và làm biến đổi cảm giác của não. Đôi khi cũng có thể cảm thấy căng thẳng, lo lắng và trầm cảm.

Amisulprid giúp cải thiện những suy nghĩ, cảm giác và hành vi bất thường. Thuốc dùng để điều trị bệnh tâm thần phân liệt cả khi vừa mới bắt đầu điều trị và khi đã điều trị lâu dài.

Nguyên nhân thuốc này có thể gây ra tác dụng phụ?

Liên quan đến thuốc chính xác nhờ hướng dẫn của bác sĩ hoặc dược sĩ. Nếu có vấn đề, hãy hỏi lại cho chắc chắn.

Liều dùng:

Liều dùng được bác sĩ chỉ định tùy thuộc vào tình trạng bệnh của bệnh nhân.

- Liều khởi đầu dùng trong khoảng 50 - 800 mg/ ngày.
- Bác sĩ có thể chỉ định liều thấp hơn nếu cần thiết.
- Nếu cần thiết bác sĩ có thể tăng liều sử dụng hàng ngày lên 1200 mg.
- Cách dùng: Liều dùng từ 300 mg/ ngày trở lên uống 1 lần vào cuối ngày 1 giờ trước khi đi ngủ; Liều dùng dưới 300 mg/ ngày: chia làm 2 lần/ ngày, một nửa vào buổi sáng và một nửa vào buổi tối.

- Ngõõõ cao tuoái: Bàuc syõ seõ theo doõi caãn thaãn do bãin còu theỏ bở giaũm huyeát àup hoaëc buoàn nguũ do thuoác.
- Treũ em: Khoâng neãn sũu dũing thuoác cho treũ em dõõuì 15 tuoái (trõõuc tuoái daỹ thì). Khoâng khuyeán caũu sũu dũing cho treũ em tởõ tuoái daỹ thì ñeãn 18 tuoái.
- Suy thaãn: Bàuc syõ còu theỏ seõ chæ ñõnh lieàu thaáp hõn.

Caũch duõng:

Uoáng nguyean vieãn cuõng vòuì nõõuc, khoâng nhai vieãn. Uoáng thuoác trõõuc bõõa aen. Neáu caũm thaỹ taũc ñõõng cuũa thuoác quaũ maĩnh hoaëc quaũ yeáu, khoâng tởi yũ thay ñõải lieàu, thoâng baũu vaõ hoũi yũ kieán bàuc syõ.

Khi naõo khoâng neãn duõng thuoác naõy?

Khoâng neãn duõng thuoác naõy neáu bãin:

- Dõ õũng vòuì amisulprid, hoaëc baát kyõ thaõnh phaàn naõo cuũa cheá phaãm. Daũu hieũu cuũa dõ õũng bao goàm ngõõa, khoũ thõu hoaëc khoõ kheõ, sõng maët, moải, lõõõi hoaëc hoĩng.
- Mang thai, còu theỏ seõ mang thai hoaëc cho con buũ.
- Ung thõ vuũ hoaëc ung thõ phuĩ thuoác prolactin.
- Ñang duõng moät trong nhõõng thuoác sau ñaỹ: Quinidin, disopyramid, procainamid, amiodaron, sotalol, bepridil, cisaprid, sultoprid, thioridazin, erythromycin tieãm tónh maĩch, vincamin tieãm tónh maĩch, halofantrin, pentamidin, sparfloxacin, levodopa.
- Treũ em dõõuì 15 tuoái (trõõuc tuoái daỹ thì).

Taũc dũing khoâng mong muoán

Nhõ caũc thuoác khaũc, amisulprid còu theỏ gaỹ taũc dũing khoâng mong muoán, nhõng khoâng phaũi ai cuõng gaẽp phaũi.

Ngõõng duõng thuoác vaõ lieãn heỏ trung taũm y teá gaàn nhaát neáu bãin gaẽp caũc phaũn õũng sau:

- Hoải chõũng an thaãn àũc tĩnh (soát cao, chaũy moà hoải, cõũng cõ, nhõp tim nhanh, thõu nhanh, vaõ caũm thaỹ luũ laãn, buoàn nguũ hoaëc kĩch ñõõng).
- Nhõp tim baát thõõõng (tim ñaẽp nhanh, ñau ngõõc).
- Huyeát khoái taẽc maĩch ñaẽc bieät õu chaãn (phuõ, ñau vaõ ñõu õu chaãn).
- Deỏ bở nhieãm trũng hõn do roái loaĩn veỏ maũu (maát baĩch caũ haĩt, giaũm baĩch caũ).
- Phaũn õũng dõ õũng (ĩt gaẽp), daũu hieũu nhaãn bieát laõ: ngõõa, noải maãn, khoũ nuoát hoaëc khoũ thõu, phuõ moải, maët, coỏ hoĩng hoaëc lõõõi.
- Co giaät.

Caũc taũc dũing khoâng mong muoán khaũc

Raát thõõõng gaẽp: Run, cõũng cõ hoaëc co cõ, vaãn ñõõng chaãm, taẽng tieát nõõuc boĩt.

Thõõõng gaẽp: Vaãn ñõõng cõ theỏ baát thõõõng khoâng kieãm soaũt ñõõc, maát nguũ, boàn choãn, lo laẽng, roái loaĩn cõĩc khoaũi, taũu boũn, buoàn noãn, noãn, khoỏ mieãng, gaỹ ra taẽng tieát sõõa, voỏ kinh, vuũ to õu nam, ñau vuũ, vaõ roái loaĩn chõũc naẽng cõũng dõõng, haĩ huyeát àup, taẽng caãn.

Ít gaẽp: Taẽng ñõõõng huyeát, nhõp tim chaãm, taẽng men gan.

Chõõa roỏ taãn suaát: Taẽng triglycerid vaõ cholesterol maũu, luũ laãn, hoải chõũng cai thuoác õu treũ sõ sinh.

Neãn traũnh duõng nhõõng thuoác hoaëc thõĩc phaãm gĩ khi ñang sũu dũing thuoác naõy?

Moät soá thuoác còu theỏ tõõng taũc vòuì amisulprid neãn phaũi thoâng baũu cho bàuc syõ hoaëc dõõc syõ cuũa bãin veỏ taát caũ caũc loaĩi thuoác maõ bãin ñang sũu dũing, bao goàm caũ caũc thuoác keỏ ñõõn hoaëc khoâng keỏ ñõõn, caũc vitamin hoaëc thuoác tởõ dõõc lieàu.

Thuoác khoâng ñõõc duõng chung vòuì amisulprid:

- Thuốc chống loãn nhòp nhòum la nhò quinidin, disopyramid, procainamid.
- Thuốc chống loãn nhòp nhòum III nhò amiodaron, sotalol.
- Càuc thuốc nhò bepridil, cisaprid, sultoprid, thioridazin, erythromycin tieâm tónh maïch, vincamin tieâm tónh maïch, halofantrin, pentamidin, sparfloracin.
- Levodopa.

Thuốc còu tồong tàuc vòuì amisulprid. Thoâng bàuc cho bàuc syỗ neáu bàin ñang uoáng càuc thuốc sau:

Càuc thuốc laøm taêng nguy cô gaây xoaén ñænh tim:

- Càuc thuốc laøm chaãm nhòp tim nhò thuốc cheïn thui theả beta nhò sotalol, esmolol, propranolol thuốc cheïn keãnch calci nhò diltiazem, verapamil, clonidin, guanfacin, digitalis.
- Càuc thuốc gaây haï kali huyeát: Thuốc lôii tieâu laøm haï kali huyeát (hydrochlorothiazid, benzothiadiazid, clorothiazid, furosemid, sulfamid), thuốc kích thích nhuaãn traøng, amphotericin B tieâm tónh maïch, glucocorticoid, tetracosatid.
- Càuc thuốc an thaàn kinh nhò pimozid, haloperidol, imipramin, lithium.

Càuc thuốc sau ñaây càen ñồoïc càen nhaéc khi sôu dũing chung vòuì amisulprid:

- Càuc thuốc òuc cheá thaàn kinh trung ôông nhò thuốc an thaàn, thuốc meả, thuốc giaúm ñau, thuốc khaùng histamin H₁ gaây buoàn nguủ, barbiturat, benzodiazepin vaø càuc thuốc chống lo âu khaùc.
- Càuc thuốc haï huyeát aùp.
- Càuc chaát chuủ vaãn dopamin (nhò levodopa).

Uoáng amisulprid vòuì moät ít nõoüc. Khoâng uoáng rồoïu bia khi uoáng amisulprid.

Càen laøm gì khi moät laàn queãn khoâng duøng thuốc?

Neáu bàin queãn khoâng duøng 1 lieàu, neãn uoáng lieàu ñòu ngay khi còu theả. Neáu thôøi ñieãm nhòu ra ñaõ ngay gaàn thôøi ñieãm duøng lieàu thuốc tieáp theo, khoâng duøng lieàu ñaõ queãn maø duøng thuốc theo ñiùng lờch trình cuỗ. Khoâng uoáng gaáp ñoài lieàu.

Càen laøm gì khi ngổøng duøng thuốc?

Càen giaúm lieàu daàn daàn theo hỏoùng daãn cuủa bàuc syỗ, khoâng ngổøng thuốc ñoät ngoät ñeả traùnch xaỷu ra tàuc dũing khoâng mong muoán goïi laø “trieäu chỏùng cai thuốc” bao goàm buoàn noãn, noãn vaø maát nguủ. Ñoàng thôøi khi ngổøng thuốc ñoät ngoät còu theả gaây tàui phaut trieäu chỏùng taâm thaàn, cuỗng còu theả xaỷu ra càuc vaãn ñoãng baát thỏoøng khoâng kieãm soaùt ñồoïc.

Càen bàuc quaủn thuốc naøy nhò theá naøø?

Giổ thuốc trong bao bì goác cuủa nhaø saủn xuaát, ñaây kín.

Ñeả thuốc ñoì khoả raòu, traùnch aùnh saùng, nhieät ñoả khoâng quaủ 30°C, vaø ngoaøi taàm vòuì cuủa treủ em.

Khoâng sôu dũing thuốc sau ngaøy heát haïn ghi trên bao bì (hoặ vaø væ thuốc).

Nhổøng daáu hieäu vaø trieäu chỏùng khi duøng thuốc quaủ lieàu

Duøng thuốc chính xaùc nhò hỏoùng daãn cuủa bàuc syỗ.

Khi duøng quaủ lieàu bàin còu theả bò càuc tàuc ñoãng khoâng mong muoán nhò: buoàn nguủ, hoãn meả, haï huyeát aùp vaø trieäu chỏùng ngoaïi thaùp (run, co cỏùng, roái loãn vaãn ñoãng, taêng tieát nõoüc boít). Còu theả gaây ra tồu vong ñeểc bieät khi sôu dũing quaủ lieàu cuøng vòuì nhổøng thuốc chống loãn thaàn khaùc.

Càen phaủi laøm gì khi duøng thuốc quaủ lieàu khuyeán cao?

Ngổng duøng thuốc vaø lieãn laïc ngay vòuì bàuc syỗ hoặc trung taâm y teá gaàn nhaát.

Mang theo viên thuốc cứng vỏ bì nữa bàc sỹ biết bản nữa uống thuốc gì và cóu bẻn phỏp xử lý kỏp thỏi.

Nhỏng nữa càn thỏn khi dửng thuốc nỏy

Trỏuộc khi dửng thuốc nỏy, càn thỏng bỏu cho bàc sỹ và lỏu y nếu bản cóu nhỏng vỏn nữa sau:

- Suy thỏn.
- Bẻn Parkinson.
- Nỏng kinh.
- Bẻn tim hoỏc trong gia nỏn cóu ngỏuỏi bỏ bẻn tim.
- Bẻn huyỏt khoỏi tỏc mỏich.
- Nỏuì thỏu nỏuỏng.
- Hai kali mỏu.
- Ngỏuỏi cao tuỏi, ngỏuỏi cao tuỏi bỏ suy giaỏm trí nhỏu.
- Bẻn ung thỏ vuỏ hoỏc gia nỏn cóu ngỏuỏi bỏ ung thỏ vuỏ.
- Giaỏm bỏich cỏu.

Dửng thuốc cho trỏu em

An toỏn và hẻu quỏu của amisulprid tỏ tuỏi đỏy thì nữa 18 tuỏi chỏ nỏuỏc nghiỏn cỏu. Đỏ liỏu vỏ viỏc sỏu đửng amisulprid ỏu trỏu vỏ thỏn nẻn bỏ tỏm thỏn phỏn liỏt cỏn ít. Do nỏu, khoỏng khuyỏn cỏu sỏu đửng cho trỏu tỏ tuỏi đỏy thì nữa 18 tuỏi; chỏng chỏ nỏn sỏu đửng cho trỏu đỏuỏi 15 tuỏi (trỏuộc tuỏi đỏy thì).

Phủ nỏ mang thỏ hoỏc cho con bu

Nếu bản cóu thỏ hoỏc ngỏ raỏn mình nỏng mang thỏ, hoủ y kỏn bàc sỹ nữa bàc sỹ trỏuộc khi sỏu đửng thuốc. Khoỏng dửng thuốc khi nỏng mang thỏ trỏ khi cóu chỏ nỏn của bàc sỹ.

Ngỏng cho con bu khi sỏu đửng amisulprid.

Laủ xe và vỏn hỏn mỏu mỏc

Amisulprid cóu ủn hỏuỏng nẻ nữa kỏu nỏng laủ xe và sỏu đửng mỏu mỏc do cóu thỏ gỏy lỏ mỏ và bỏuỏn ngỏu. Nẻn thỏn trỏn.

Khi nỏ càn thỏm vỏn bàc sỹ, đỏuỏc sỹ?

Càn liỏn laủ ngay vỏu bàc sỹ hoỏc trung tỏm y teỏ gỏn nỏt khi dửng thuốc quỏ liỏu chỏ nỏn.

Thỏng bỏu ngay cho bàc sỹ hoỏc đỏuỏc sỹ nhỏng tỏc đửng khoỏng mong mỏỏn gỏp phỏu khi sỏu đửng thuốc.

Nếu càn thỏm thỏng tin xin hoủ y kỏn bàc sỹ hoỏc đỏuỏc sỹ.

Hỏn dửng của thuốc: 36 thỏng kỏ tỏ ngỏy sỏn xỏt.

Sỏn xỏt tỏi:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỎUỎC PHỏM NỏIT VI PHỦ (DAVIPHARM)

Loỏ M7A, Nỏuỏng D17, Khu Cỏng nghiỏp Myỏ Phỏuộc 1, Phỏuỏng Thỏu Hỏ, Thỏ xỏ Bẻn Cỏt, Tẻn Bỏn Đỏng, Viỏt Nam

Tel: 0274.3567.687

Fax: 0274.3567.688